BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 12 - THÁNG 12/2020- VOLUME: – DECEMBER 2020

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng: khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email: research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ			
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
Sự phát triển của fintech ở Mỹ Latin: bối cảnh, triển vọng và thách thức	**Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm: Tác động đến nguồn vốn fintech**	**Hội nhập tài chính và liên kết tài chính vĩ mô ở châu Á: Khủng hoảng, ứng phó và cân nhắc chính sách**	**Các khía cạnh pháp lý của tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương: Suy ngẫm về ngân hàng trung ương và Luật Tiền tệ**
Tác giả xem xét cách thức fintech đang chuyển đổi các dịch vụ tài chính trong khu vực Mỹ Latin. Chi tiết	Nghiên cứu đưa ra dẫn chứng về tính hiệu quả các khuôn khổ pháp lý thử nghiệm của Anh trong việc cải thiện khả năng tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp fintech. Chi tiết	Báo cáo này xem xét bằng chứng về mối liên kết tài chính vĩ mô và tác động từ sự kiệt quệ tài chính ở khu vực Châu Á. Báo cáo đề xuất các cân nhắc chính sách và các phản ứng phối hợp để tăng cường sự ổn định và khả năng phục hồi tài chính. Chi tiết	Bài viết này phân tích cơ sở pháp lý của tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) dựa trên luật ngân hàng trung ương và luật tiền tệ. Chi tiết
Sự can thiệp của chính phủ và sức mạnh thị trường của ngân hàng: bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu áp dụng với cuộc khủng hoảng COVID-19 như thế nào?	**COVID-19 và CPI: liệu lạm phát có bị đánh giá thấp?**		
Đại dịch COVID-19 có thể dẫn đến sự can thiệp lớn của chính phủ vào ngành ngân hàng. Để làm sáng tỏ những kết quả có thể xảy ra đối với sức mạnh thị trường, nhóm nghiên cứu dựa trên kinh nghiệm của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khai thác dữ liệu chi tiết về các biện pháp can thiệp của chính phủ tại hơn 800 ngân hàng trên 27 quốc gia từ năm	COVID-19 đã thay đổi mô hình chi tiêu của người tiêu dùng, làm cho các trọng số CPI đột ngột trở nên lỗi thời. Chi tiết		

2007 đến năm 2017. Chi tiết			

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

HỆ THỐNG TƯƠNG TỰ TIỀN ĐIỆN TỬ TƯ NHÂN VÀ CHÍNH PHỦ: GIẤY BẠC DỰ TRỮ LIÊN BANG VÀ GIẤY BẠC NGÂN HÀNG QUỐC GIA

Các thể chế và công nghệ tồn tại trên thế giới ngày nay khác với các thể chế và công nghệ đã tồn tại trong quá khứ. Tuy nhiên, có nhiều thể chế và công nghệ trong quá khứ có những điểm tương đồng với những gì đang tồn tại hiện nay đủ nhiều để chúng ta có thể học hỏi từ lịch sử. Một trường hợp như vậy là các giấy bạc được phát hành bởi các ngân hàng tư nhân và chính phủ tại Mỹ trước năm 1935. Các giấy bạc ngân hàng này chia sẻ nhiều đặc điểm của các công cụ tài chính là hoặc có thể được phân loại là tiền điện tử mà tôi định nghĩa là giá trị tiền tệ được thể hiện bằng một truy đòi đối với đơn vị phát hành được lưu trữ trên một thiết bị điện tử và được chấp nhận như một phương tiện thanh toán bởi các cá nhân và tổ chức không phải là đơn vị phát hành. Chi tiết

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2021. (Chi tiết)	VỀ TRUNG QUỐC. (Chi tiết)
HOÀN THIỆN KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH CHO TTKDTM TẠI VIỆT NAM. (Chi tiết)	PHỤC HỒI KINH TẾ SAU KHỦNG HOẢNG COVID-19. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

1. Sự phát triển của fintech ở Mỹ Latin: bối cảnh, triển vọng và thách thức (The dawn of fintech in Latin America: landscape, prospects and challenges).

Nguồn: BIS
Tác giả: Carlos Cantú và Barbara Ulloa
Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng
Ngày xuất bản: 05/11/2020

Fintech ở Mỹ latin đang ở những bước phát triển đầu tiên. Tác giả xem xét cách thức fintech đang chuyển đổi các dịch vụ tài chính trong khu vực. Đầu tiên, tác giả mô tả bối cảnh của fintech về mảng đầu tư, các công ty và dịch vụ được cung cấp. Tác giả thấy rằng fintech đã nhanh chóng đạt được sức hút ở Mỹ Latin, chủ yếu trong các lĩnh vực thanh toán và tài chính. Thứ hai, tác giả đánh giá triển vọng của fintech bằng cách đánh giá khuôn khổ thể chế để giám sát và điều chỉnh nó. Nghiên cứu cho thấy quy định về fintech trong khu vực Mỹ Latin áp dụng cách tiếp cận dựa trên hoạt động hơn là dựa trên đối tượng, ngoại trừ Mexico. Cuối cùng, tác giả đưa ra những thách thức mà fintech phải đối mặt để trở thành người thay đổi cuộc chơi trong khu vực. Tác giả kết luận rằng fintech có thể là một chất xúc tác mạnh mẽ để cải thiện điều kiện tài chính và xã hội ở Mỹ Latin bằng cách kết hợp những người không được tiếp cận hệ thống ngân hàng (unbanked) vào hệ thống tài chính và cung cấp các nguồn tài chính thay thế cho doanh nghiệp.

Tải về toàn văn tại đây
Trở lại trang đầu

2. Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm: Tác động đến nguồn vốn fintech (Inside the regulatory sandbox: effects on fintech funding).

Nguồn: BIS
Tác giả: Giulio Cornelli, Sebastian Doerr, Leonardo Gambacorta và Ouarda Merrouche
Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng
Ngày xuất bản: 09/11/2020

Các nhà hoạch định chính sách trên thế giới đang triển khai khuôn khổ pháp lý thử nghiệm như là một công cụ để thúc đẩy đổi mới trong lĩnh vực tài chính trong khi vẫn hạn chế được những rủi ro mới nổi. Sử dụng dữ liệu của Anh, nghiên cứu này cung cấp dẫn chứng ban đầu về tính hiệu quả các khuôn khổ pháp lý thử nghiệm đầu tiên của thế giới trong việc cải thiện khả năng tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp fintech. Các doanh nghiệp tham gia khuôn khổ thử nghiệm đã tăng trưởng nhanh với tốc độ tăng 15% vốn huy động sau khi gia nhập, so với các công ty không tham gia khuôn khổ thử nghiệm và khả năng huy động vốn của họ tăng thêm 50%. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng khuôn khổ thử nghiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn thông qua 02 kênh: Giảm thông tin bất đối xứng và giảm chi phí pháp lý hoặc sự không chắc chắn về pháp lý. Kết quả của nghiên cứu được xác nhận

khi tác giả khai thác thông tin từ sự ra đời của khuôn khổ thử nghiệm và so sánh các doanh nghiệp trước và sau khi có khuôn khổ thử nghiệm và khi tác giả so sánh đầu ra của các doanh nghiệp tham gia và các doanh nghiệp chưa từng tham gia vào khuôn khổ thử nghiệm.

Tải về toàn văn tại đây
Trở lại trang đầu

3. Hội nhập tài chính và liên kết tài chính vĩ mô ở châu Á: Khủng hoảng, ứng phó và cân nhắc chính sách (Financial Integration and Macrofinancial Linkages in Asia: Crises, Responses, and Policy Considerations).

Nguồn: ADB
Tác giả: N/A
Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng
Ngày xuất bản: 01/10/2020

Bối cảnh tài chính châu Á đã trở nên gắn kết hơn trong 2 thập kỷ qua. Các cuộc khủng hoảng tài chính trước đây đã chứng minh cách thức biến động có thể truyền dẫn một cách nhanh chóng qua một mạng lưới tài chính được kết nối với nhau. Hơn nữa, các phân tích thực nghiệm đã chỉ ra cách thức biến động có thể tác động lớn trong nền kinh tế vĩ mô. Bằng cách tổng hợp các bài học từ các cuộc khủng hoảng tài chính trong quá khứ, báo cáo này cũng phân tích tác động của việc hội nhập tài chính sâu hơn đối với tính dễ bị tổn thương của nền kinh tế.

Tải về toàn văn tại đây
Trở lại trang đầu

4. Các khía cạnh pháp lý của tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương: Suy ngẫm về ngân hàng trung ương và Luật Tiền tệ (Legal Aspects of Central Bank Digital Currency: Central Bank and Monetary Law Considerations).

Nguồn: IMF
Tác giả: Wouter Bossu ; Masaru Itatani ; Catalina Margulis ; Arthur D. P. Rossi; Hans Weenink; Akihiro Yoshinaga
Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế
Ngày xuất bản: 20/11/2020

Bài viết này phân tích cơ sở pháp lý của tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) dựa trên luật ngân hàng trung ương và luật tiền tệ. Thiếu cơ sở pháp lý vững chắc, việc phát hành CBDC gây rủi ro về pháp lý, tài chính và uy tín cho các ngân hàng trung ương. Mặc dù việc thiết kế khung pháp lý phù hợp ở một mức độ nào đó sẽ phụ thuộc vào các đặc điểm thiết kế của CBDC, một số kết luận chung có thể được đưa ra. Thứ nhất, hầu hết các luật ngân hàng trung ương hiện không cho phép phát hành CBDC ra công chúng. Thứ hai, từ góc độ luật tiền tệ, việc CBDC được coi là tiền tệ hay không không có sự rõ ràng. Trong khi vấn đề luật ngân hàng trung ương có thể được giải quyết thông qua cải cách luật khá đơn giản, vấn đề luật tiền tệ đặt ra những thách thức chính sách pháp lý cơ bản.

Tải về toàn văn tại đây
Trở lại trang đầu

5. Sự can thiệp của chính phủ và sức mạnh thị trường của ngân hàng: bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu áp dụng với cuộc khủng hoảng COVID-19 như thế nào? (Government Intervention and Bank Market Power: Lessons from the Global Financial Crisis for the COVID-19 Crisis).

Nguồn: IMF
Tác giả: Brandon Tan; Maria Soledad Martinez Peria; Nicola Pierri; Andrea F Presbitero
Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế
Ngày xuất bản: 12/11/2020

Đại dịch COVID-19 có thể dẫn đến sự can thiệp lớn của chính phủ vào ngành ngân hàng. Để làm sáng tỏ những kết quả có thể xảy ra đối với sức mạnh thị trường, nhóm nghiên cứu dựa trên kinh nghiệm của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khai thác dữ liệu chi tiết về các biện pháp can thiệp của chính phủ tại hơn 800 ngân hàng trên 27 quốc gia từ năm 2007 đến năm 2017. Để phân tích kỹ hơn, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp đối sánh đa biến. Nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng các ngân hàng bị can thiệp bị suy giảm đáng kể sức mạnh thị trường so với các ngân hàng không bị can thiệp. Hiệu ứng này rõ ràng hơn đối với các can thiệp lớn hơn và dài hơn và được thúc đẩy bởi sự gia tăng chi phí, chủ yếu là do phí khoản vay cao hơn mà không kéo theo sự tăng giá tương tự.

Tải về toàn văn tại đây
Trở lại trang đầu

6. COVID-19 và CPI: liệu lạm phát có bị đánh giá thấp? (COVID-19 and the CPI: Is Inflation Underestimated?).

Nguồn: IMF
Tác giả: Marshall B Reinsdorf
Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế
Ngày xuất bản: 05/11/2020

COVID-19 đã thay đổi mô hình chi tiêu của người tiêu dùng, làm cho các trọng số CPI đột ngột trở nên lỗi thời. Ở hầu hết các khu vực, việc điều chỉnh các trọng số CPI để tính đến những thay đổi trong mô hình chi tiêu sẽ làm tăng lạm phát ước tính trong những tháng đầu của đại dịch. Việc giảm trọng số của giá lương thực đang ở mức tăng và đánh trọng số quá nhiều cho giá vận tải giảm là những nguyên nhân chính dẫn đến việc đánh giá thấp lạm phát. Các trọng số CPI cập nhật nên được xây dựng càng sớm càng tốt, nhưng sự thay đổi trong các mô hình chi tiêu trong thời kỳ đại dịch làm phức tạp sự phát triển này một cách nhanh chóng khi đến năm 2021 các trọng số lại đại diện cho các mô hình chi tiêu sau đại dịch.

Tải về toàn văn tại đây

Trở lại trang đầu

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

Hệ thống tương tự tiền điện tử tư nhân và chính phủ: Giấy bạc Dự trữ Liên bang và Giấy bạc Ngân hàng Quốc gia

Warren E. Weber
Trung tâm Cải tiến và Ổn định Tài chính
Ngân hàng Dự trữ Liên bang Atlanta
Tháng 8/2015

(Kỳ 2)

7. Tại sao loại bỏ Giấy bạc Ngân hàng Quốc gia

Câu trả lời cho câu hỏi tại sao lại cần phải loại bỏ giấy bạc ngân hàng quốc gia là đây cũng là điều cần thiết nếu Hệ thống Dự trữ Liên bang nhằm đáp ứng chức năng ngân hàng trung ương thứ hai. Ngoài việc có thể hành động như là người cho vay cuối cùng, một chức năng khác của ngân hàng trung ương, ít nhất trong giai đoạn mà chúng ta đang xem xét, là kiểm soát dự trữ sẵn có cho khu vực ngân hàng và theo đó thực thi chính sách tiền tệ. Ngân hàng trung ương do đó thực hiện kiểm soát lên việc mở rộng tín dụng trong nền kinh tế. Nếu các ngân hàng quốc gia có thể phát hành giấy bạc, thì Hệ thống Dự trữ liên bang không thể hoàn tất việc kiểm soát đối với dự trữ của hệ thống ngân hàng do các ngân hàng quốc gia cũng sẽ có khả năng tạo dự trữ cho hệ thống ngân hàng. Nguyên nhân: giấy bạc ngân hàng quốc gia có thể được gửi tại các ngân hàng Dự trữ Liên bang, và các khoản tiền gửi này được tính là một phần của dự trữ mà các ngân hàng thành viên phải nắm giữ đối ứng với các khoản tiền gửi. Do vậy, một ngân hàng thành viên có thể lấy giấy bạc ngân hàng quốc gia mà nó nhận trong quá trình kinh doanh, và gửi chúng tại ngân hàng Dự trữ Liên bang khu vực và sau đó cho vay trên cơ sở các khoản dự trữ này[1].

Trên thực tế, có vẻ không phải số lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia đóng vai trò lớn trong khối lượng dự trữ sẵn có cho hệ thống ngân hàng Mỹ. Số lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia trong lưu thông và tổng số lượng dự trữ trong hệ thống

[1] Điểm này được nói kỹ tại bài báo, "Sự kết thúc của Giấy bạc Ngân hàng không gặp bất đồng ý kiến nào", tạp chí Phố Wall, 17/3/1935.

từ năm 1916 đến năm 1936 được thể hiện ở Hình 5.[2] Hai điểm rõ ràng: (i) Số lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng dự trữ, trung bình khoảng 23% từ 1916 đến 1933. (ii) Mối tương quan giữa 2 chuỗi số liệu trong cùng khoảng thời gian trên chỉ ở mức 0.09.[3]

Hình 5. Giấy bạc ngân hàng quốc gia và tổng dự trữ của hệ thống ngân hàng, 1914 - 1936

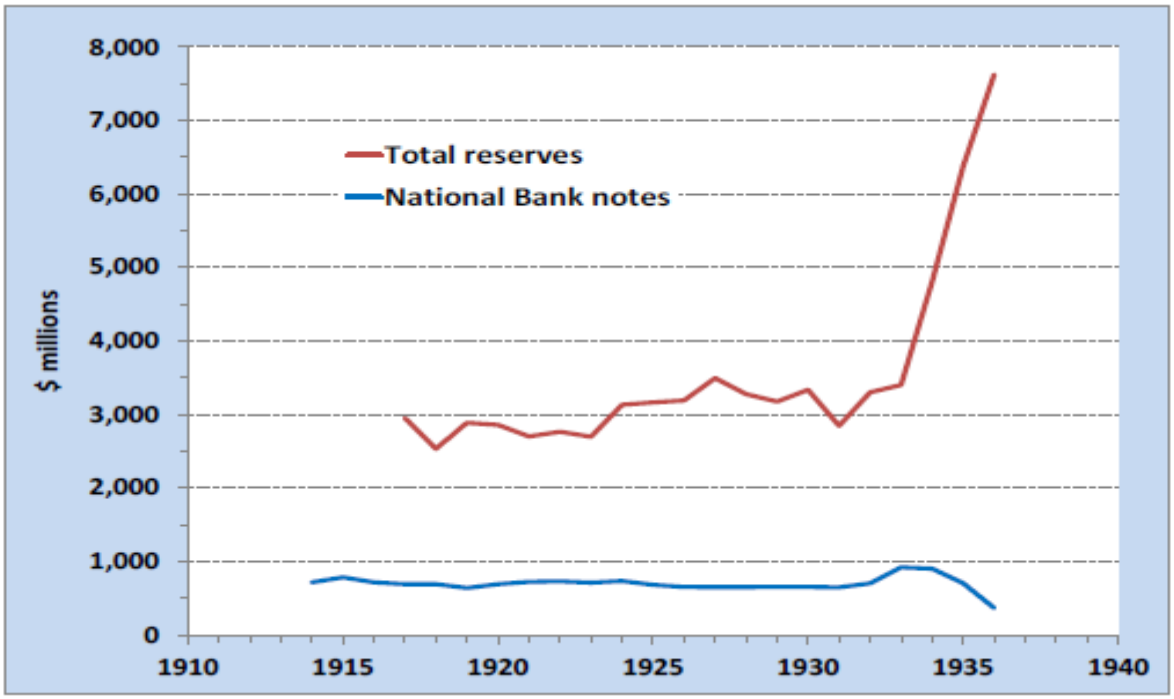

8. Tại sao mất quá nhiều thời gian để loại bỏ giấy bạc ngân hàng quốc gia?

Giấy bạc Dự trữ liên bang đầu tiên được phát hành vào năm 1914. Hành động để cuối cùng loại bỏ giấy bạc ngân hàng quốc gia ra khỏi lưu thông không diễn ra cho tới năm 1934. Trong khoảng thời gian này, giấy bạc ngân hàng quốc gia và giấy bạc Dự trữ Liên bang lưu thông song hành. Theo đó sự tồn tại của giấy bạc ngân hàng quốc gia có thể gây trở ngại cho Hệ thống Dự trữ Liên bàng trong việc kiểm soát khối lượng dự trữ trong hệ thống ngân hàng, một câu hỏi tự nhiên đặt

[2] Tổng dự trữ là tổng của "Tiền gửi tài khoản dự trữ - ngân hàng thành viên" từ bảng số 35 trong Thống kê Ngân hàng và tiền tệ và chênh lệch giữa "Tổng tiền" và "tiền ngoài các ngân hàng" từ Bảng số 9 trong cùng ấn phẩm nói trên.

[3] Lý do bắt đầu từ năm 1916 là, như đã ghi chú ở trên, "Tiền gửi tài khoản dự trữ - ngân hàng thành viên" là chuỗi số liệu bắt đầu từ thời điểm này. Tôi chấm dứt vào năm 1933 do các động thái giảm khối lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia bắt đầu từ năm 1934 (xem phần dưới).

ra là tại sao không có động thái gì được thực hiện để loại bỏ giấy bạc ngân hàng quốc gia ra khỏi lưu thông nhanh chóng một khi các ngân hàng Dự trữ Liên bang đã đi vào hoạt động.

Câu trả lời không phải là việc loại bỏ giấy bạc ngân hàng quốc gia bị cấm bởi Đạo luật Dự trữ Liên bang. Đạo luật Dự trữ Liên bang có điều khoản nhằm làm giảm khối lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia trong lưu thông và các hành động được thực thi để đưa chúng ra khỏi lưu thông. Theo Weyforth (1925), có 3 điều khoản lớn nhằm giảm khối lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia trong lưu thông:

1. Đạo luật Ngân hàng Quốc gia yêu cầu các ngân hàng nắm giữ trái phiếu chính phủ để thực hiện hoạt động kinh doanh. Do đó, một số phải phát hành giấy bạc đơn giản vì dù sao họ cũng phải nắm giữ tài sản đảm bảo bằng trái phiếu. Đạo luật Dự trữ Ngân hàng đã loại bỏ yêu cầu này, do vậy một số ngân hàng có thể giảm việc lưu thông tiền.
2. Phần 18 Đạo luật Dự trữ Liên bang cho phép các ngân hàng quốc gia muốn giảm tiền lưu thông được bán trái phiếu đảm bảo cho các khoản tiền trong lưu thông này lại cho Dự trữ Liên bang theo mệnh giá. Do trái phiếu chiếm phần lớn tài sản đảm bảo cho các giấy bạc phát hành đang được bán thấp hơn mệnh giá tại thời điểm này, nên điều khoản này cho phép các ngân hàng quốc gia giảm lưu thông tiền mà không bị tổn thất về tài sản đảm bảo. Tuy nhiên, các ngân hàng quốc gia bị hạn chế bán 25 triệu USD một năm và điều khoản này không có hiệu lực cho tới 2 năm sau Đạo luật Dự trữ Liên bang được thông qua.
3. Các ngân hàng Dự trữ Liên bang được phép tham gia vào thị trường mở và nhận trái phiếu với đặc quyền rút tiền lưu thông ra khỏi thị trường.

Dường như ít nhất phải đến năm 1917 các điều khoản đưa tiền ngân hàng quốc gia ra khỏi lưu thông mới được sử dụng. Số lượng giấy bạc ngân hàng quốc gia rơi từ 716 triệu USD vào 30/6/1913 xuống còn 613 triệu USD vào 30/6/1919.

Tuy nhiên, việc giảm đi 77 triệu USD giấy bạc ngân hàng quốc gia dường như không nhiều đến như vậy. Vậy, tại sao những công cụ này không được sử dụng để loại bỏ giấy bạc ngân hàng quốc gia ra khỏi lưu hành nhanh hơn? Tôi nghĩ câu trả lời là có những khó khăn trong việc đưa giấy bạc Liên bang vào lưu hành và nỗi sợ gián đoạn có thể xảy ra nếu giấy bạc ngân hàng quốc gia bị rút đi nhanh

hơn là giấy bạc Dự trữ Liên bang được đưa vào lưu thông. Quan điểm này được thể hiện bởi Noll (2011):

Với sự bắt đầu hoạt động Dự trữ Liên bang, việc lan tỏa giấy bạc Dự trữ Liên bang trên toàn quốc gia sẽ cần thời gian, và không ai biết được tốc độ các ngân hàng quốc gia rút khỏi kinh doanh tiền tệ và dừng phát hành giấy bạc của riêng họ như thế nào. Có một khả năng thực là giấy bạc ngân hàng quốc gia có thể bị rút khỏi lưu thông nhanh hơn giấy bạc Dự trữ liên bang có thể được phát hành ra công chúng. Điều này có thể gây ra sự sụt giảm đột ngột trong số lượng giấy bạc ngân hàng tại nhiều nơi của quốc gia, dẫn đến tình trạng khan hiếm tiền tệ cục bộ.

Khó khăn chính trong việc đưa giấy bạc Dự trữ Liên bang vào lưu thông là chúng chủ yếu được phát hành để chiết khấu cho các hối phiếu thực. Không có đảm bảo rằng các khoản chiết khấu như vậy đủ lớn để thay thế toàn bộ giấy bạc ngân hàng quốc gia hay chúng sẽ đi ra từ các ngân hàng ở cùng địa điểm với các ngân hàng rút giấy bạc của họ ra khỏi lưu thông.

9. Giấy bạc Ngân hàng Quốc gia bị xóa bỏ như thế nào vào năm 1934

Cách mà giấy bạc ngân hàng quốc gia bị loại khỏi lưu thông là trái phiếu chính phủ có thể dùng để bảo đảm cho việc phát hành giấy bạc ngân hàng quốc gia đã bị thu hồi. Năm 1934, có ba đợt phát hành trái phiếu với đặc quyền phát hành - lần thứ 2 năm 1930, Kênh đào Panama 2% và trái phiếu có lãi suất từ 3,5% trở xuống. Vào ngày 10 tháng 3 năm 1934, Kho bạc Mỹ thông báo rằng họ sẽ mua lại trái phiếu phát hành lần 2 năm 1930 vào ngày 1 tháng 7 và Kênh đào Panama 2% vào ngày 1 tháng 8 năm đó. Đặc quyền lưu hành trên 3.5% sẽ hết hạn vào ngày 22 tháng 7. Do đó, kết quả của các hành động của Kho bạc là sẽ không có trái phiếu để đảm bảo cho tiền giấy quốc gia sau ngày 1 tháng 8 năm 1934.

Có ba hành động đã được thực hiện trước thông báo này của Kho bạc. Vào ngày 28 tháng 12 năm 1933, Quyền Bộ trưởng Ngân khố Morgenthau đã ban hành một lệnh yêu cầu "mọi người phải chịu quyền tài phán của Mỹ ngay lập tức để thanh toán và giao cho Thủ quỹ Kho bạc của Mỹ tất cả đồng xu vàng, vàng thỏi và vàng chứng chỉ." Điều này đã được thực thi bằng cách giao vàng cho các ngân hàng của Cục Dự trữ Liên bang. Đạo luật Dự trữ Vàng ngày 30 tháng 1 năm 1934 khiến vàng trong các ngân hàng của Cục Dự trữ Liên bang trở thành tài sản của Mỹ.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 1934, Tổng thống Roosevelt phá giá đồng đô la. Ông đã tăng giá vàng tính theo đô la từ 20,67 đô la một ounce lên mức 35 đô la một ounce, mức phá giá 59%.

Một phần tác động của những hành động này là Hệ thống Dự trữ Liên bang có một lượng vàng danh nghĩa lớn hơn nhiều so với trước đây. Dự trữ vàng và chứng chỉ vàng của nó đã tăng từ 3,5 tỷ đô la vào ngày 31 tháng 12 năm 1933 lên 5,1 tỷ đô la vào ngày 31 tháng 12 năm 1934 và 7,6 tỷ đô la vào ngày 31 tháng 12 năm 1935. Do đó, nó có khả năng lớn hơn trong việc thiết lập chính sách tiền tệ (tác động lên dự trữ ngân hàng). Do đó, bất kỳ trường hợp nào cho phép các ngân hàng quốc gia thực hiện chính sách tiền tệ độc lập với Fed có thể đã suy yếu đáng kể.

Tác động khác của những hành động này là cung cấp cho chính phủ một khoản "lợi nhuận" vàng từ phá giá. Lợi nhuận này cũng có thể được nhìn thấy một phần trên bảng cân đối của Fed. "Tiền gửi – Kho bạc Mỹ" là 2,8 triệu đô la, 120,7 triệu đô la và 543,8 triệu đô la lần lượt cho 3 lần tương ứng. Lợi nhuận này có thể được sử dụng để gỡ nợ chính phủ, vốn đã mở rộng từ 1,2 tỷ đô la vào cuối tháng 12 năm 1916 lên 23,8 tỷ đô la vào cuối tháng 12 năm 1933 do hậu quả của Thế chiến I và Đại suy thoái. Lợi nhuận này có thể được sử dụng để chi trả cho các trái phiếu có đặc quyền phát hành.

Do đó, trong năm 1934 có cơ hội loại bỏ khả năng các ngân hàng quốc gia có thể điều hành chính sách tiền tệ đồng thời giảm nợ chính phủ.

> Một đặc điểm nổi bật của kế hoạch gỡ bỏ tiền giấy ngân hàng quốc gia là nó dường như làm hài lòng tất cả các sắc thái của quan điểm về tiền tệ - một cái gì đó, người ta tin rằng, đã được thực hiện mà không có biện pháp tiền tệ nào khác do chính quyền thực hiện. Những người giàu có coi đó là một bước đi khôn ngoan và bảo thủ mà không có các hậu quả về lạm phát, nhưng ngược lại, những khoản bảo hiểm chống lại lạm phát ở chỗ nó giúp loại bỏ khỏi Quốc hội tất cả những gì còn lại chưa được phân bổ của "lợi nhuận" tạo ra từ việc giảm giá vàng. Các nhà lạm phát học, một mặt khác, xem kế hoạch này là một chiến thắng, vì nó liên quan đến việc sử dụng "lợi nhuận" vàng để triệt tiêu nợ công (The Wall Street Jounrnal, 17 tháng 3 năm 1935).

10. Giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Liên bang

Ở trên, tôi đã đề cập rằng một trong những lo ngại về việc thông qua Đạo luật Dự trữ Liên bang là tiền giấy ngân hàng quốc gia sẽ được rút nhanh chóng và rằng giấy bạc của Cục Dự trữ Liên bang không thể được đưa vào lưu thông đủ nhanh để ngăn chặn sự gián đoạn nguồn cung tiền tệ của quốc gia. Ngoài các hành động được thực hiện để đề phòng khả năng này đã được đề cập ở trên, biện pháp bảo vệ thứ hai đã được đưa vào Đạo luật Dự trữ Liên bang. Phần 4 của Đạo luật cho rằng là các ngân hàng cấp huyện có thể phát hành loại giấy bạc thứ hai, được gọi là giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Liên bang để phân biệt với giấy bạc của Cục Dự trữ Liên bang.[4] Cụ thể, việc phân chia này ngụ ý rằng "Khi ký gửi tiền tại Kho bạc Mỹ bất kỳ trái phiếu nào của Mỹ *theo cách thức được được luật hiện hành quy định liên quan đến các ngân hàng quốc gia*, để nhận Giám đốc điều tiết của các ngân hàng quốc gia các loại giấy bạc đang lưu thông… số lượng bằng với mệnh giá của trái phiếu để gửi …"[chữ in nghiêng được thêm vào] Từ ngữ in nghiêng cho thấy có hai khác biệt lớn giữa giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Liên bang và giấy bạc của Cục Dự trữ Liên bang:

1. Tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Liên bang là một loại tiền tệ được bảo đảm bằng trái phiếu, được thế chấp 100% bằng trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ với Kho bạc. Ngược lại, tiền của Cục Dự trữ Liên bang là được đảm bảo bằng vàng.
2. Tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Liên bang là nghĩa vụ của ngân hàng địa phương Dự trữ Liên bang phát hành. Ngược lại, tiền của Cục Dự trữ Liên bang là nghĩa vụ của chính phủ Hoa Kỳ.

   Tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Liên bang có hình thức chung giống như giấy bạc ngân hàng quốc gia, chỉ có ngoại lệ là tên của ngân hàng dự trữ liên bang phát hành xuất hiện ở bên trái mặt trước của tờ tiền thay cho tên của ngân hàng quốc gia phát hành.

   Như Hình 7 cho thấy, rất ít tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Liên bang được phát hành ban đầu (chỉ 11 triệu đô la vào năm 1918) vì rủi ro rút một lượng lớn giấy bạc ngân hàng quốc gia đã không thành hiện thực. Hai mức tăng khác trong việc lưu hành tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Liên bang (từ năm 1919 đến năm 1921 và năm 1933 đến năm 1934) không phải do sự rút của giấy bạc quốc gia khỏi lưu thông. Theo Noll (2011) lần đầu tiên là do nhu cầu về những tờ tiền mệnh giá nhỏ để thay thế cho những chứng chỉ bạc sắp hết lưu hành khi

[4] Giấy bạc Ngân hàng Dự trữ Liên bang là tên gọi trong các báo cáo của loại giấy bạc này. Tên gọi này không được sử dụng tại Đạo luật.

Hoa Kỳ gửi bạc đến Vương quốc Anh. Thứ hai là do sự cần thiết của tiền tệ trong kỳ nghỉ ngân hàng năm 1933.

11. Tóm tắt và bài học

Nếu các mục tiêu của Đạo luật Dự trữ Liên bang đối với tiền tệ là loại bỏ tiền giấy ngân hàng quốc gia và thay thế chúng bằng một loại tiền mới, co giãn không được bảo đảm bằng trái phiếu chính phủ, thì có thể lập luận rằng những mục tiêu này đã đạt được, nhưng chỉ với một sự chậm trễ lớn. Tiền giấy ngân hàng quốc gia đã bị loại bỏ khỏi lưu thông, nhưng phải đến hơn 20 năm sau Đạo luật Dự trữ Liên bang ra đời.

Hình 7: Giấy bạc Ngân hàng Dự trữ Liên bang và giấy bạc Ngân hàng Quốc gia trong lưu thông, 1914 - 1936

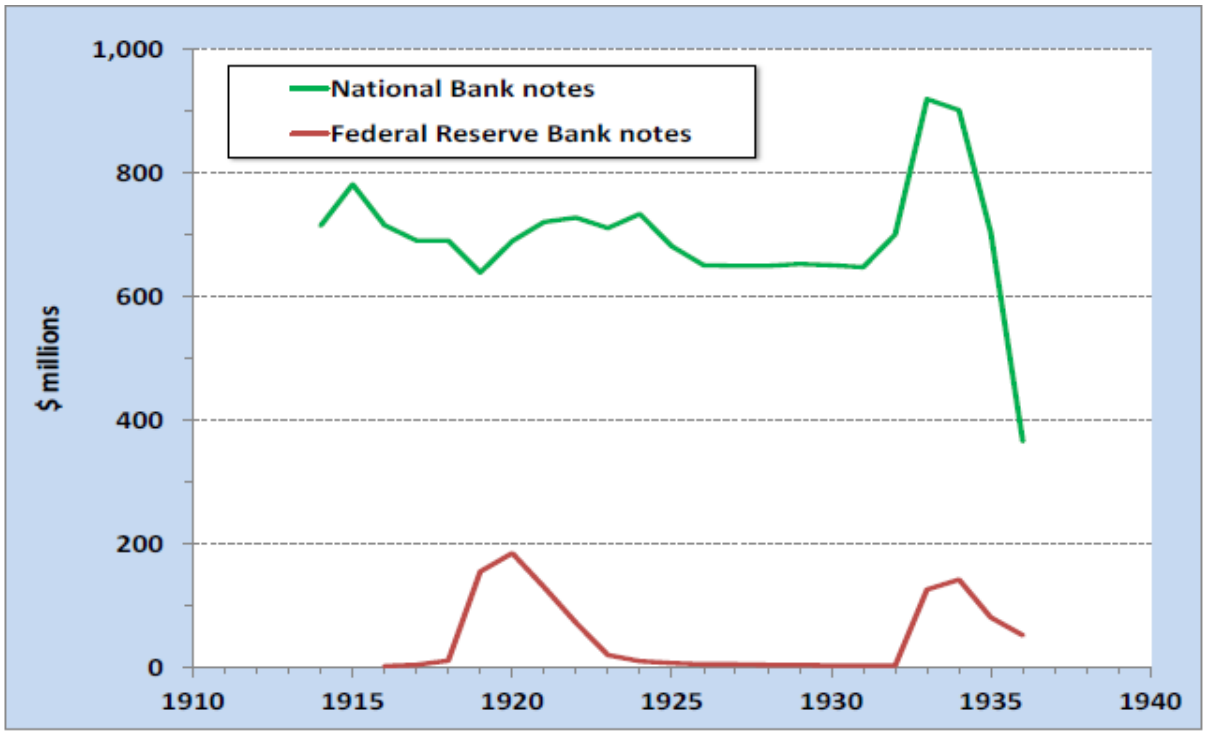

Mục tiêu có được một loại tiền tệ mới, co giãn đã đạt được nhanh chóng hơn. Hình 6 và 8 cho thấy rằng sau một khởi đầu chậm, rất có thể do những khó khăn trong quá trình khởi động Hệ thống Dự trữ Liên bang mới và đưa vào hoạt động các ngân hàng cấp huyện, giấy bạc của Cục Dự trữ Liên bang trở thành một phần lớn của tổng tiền tệ trong nước. Số lượng giấy bạc của Cục Dự trữ liên bang đang lưu hành lên tới khoảng 3 tỷ đô la vào năm 1920 (60% tiền tệ trong lưu thông). Tuy nhiên, cả số lượng giấy bạc Cục Dự trữ Liên bang đang lưu hành và giấy bạc Cục Dự trữ Liên bang như một tỷ lệ phần trăm tiền tệ trong lưu thông đã giảm gần như liên tục cho đến khi đạt mức thấp nhất của là 1,4 tỷ đô la (33% tiền tệ

đang lưu hành) vào năm 1930, sau đó nó bắt đầu tăng lại. Sự sụt giảm trong lưu hành tiền giấy của Cục Dự trữ Liên bang gần như khớp với sự gia tăng của các chứng chỉ vàng, mặc dù những chứng chỉ này không phải 100% được đảm bảo bởi vàng được đảm bảo bởi tỷ lệ vàng cao hơn so với tiền giấy của Cục Dự trữ Liên bang[5]. Nhu cầu này đối với chứng chỉ vàng có thể đã được thúc đẩy bởi lo ngại rằng Mỹ sẽ bỏ tiêu chuẩn này, mà sau đó nó đã thực hiện vào năm 1933.

Bây giờ tôi chuyển sang các bài học về tiền điện tử do chính phủ phát hành và do tư nhân phát hành mà chúng ta có thể rút ra bài học từ giai đoạn 1914 đến 1934 tại Hoa Kỳ.

Hình 8: Giấy bạc Cục Dự trữ Liên bang là một phần của tổng tiền tệ, 1914 – 1936

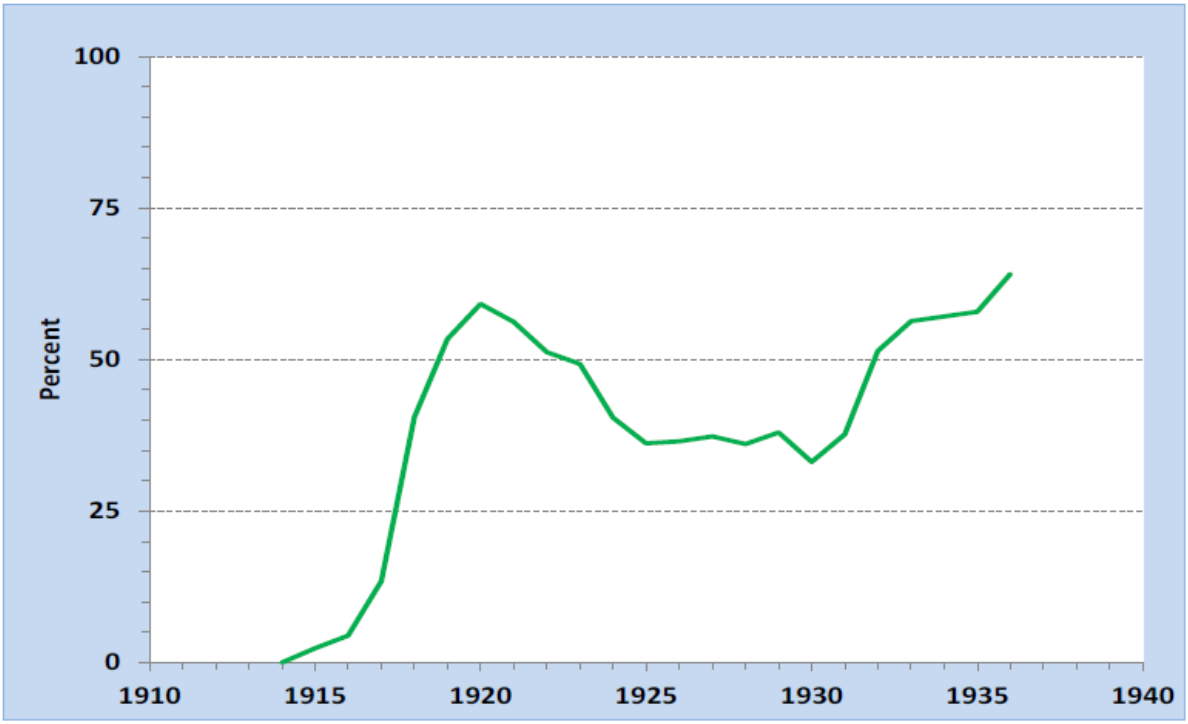

Ngân hàng trung ương có nên phát hành tiền giấy không?

Các ngân hàng Dự trữ Liên bang phải phát hành giấy bạc, để Hệ thống Dự trữ Liên bang có thể hoàn thành chức năng ngân hàng trung ương đó là đóng vai trò là người cho vay cuối cùng, việc này đòi hỏi khả năng phát hành một phương tiện trao đổi được chấp nhận rộng rãi. Vì hầu hết các quốc gia ngày nay có một ngân

[5] Chứng chỉ vàng lần đầu tiên được chứng nhận bởi "Một Luật để cung cấp các Cách thức và Phương tiện để Hỗ trợ Chính phủ" được thông qua ngày 3 tháng 3 năm 1863. Chúng sẽ được phát hành để gửi vàng tại Kho bạc và "trong trả lãi cho khoản nợ công." Tổng số tiền phát hành "sẽ không vượt quá hai mươi một centum ngoài số tiền xu và vàng thỏi trong kho bạc…"(Phần 5)

hàng trung ương với khả năng phát hành tiền giấy, đây không phải là lý do để ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử.

Một lập luận để ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử của riêng mình có thể là ngân hàng sẽ tiết kiệm chi phí cung cấp tiền xu và tiền tệ. Tuy nhiên, đây không phải là một lập luận có tính thuyết phục cao để ủng hộ tiền điện tử do chính phủ phát hành. Với những đổi mới gần đây trong cung cấp tiền xu và tiền tệ, chi phí tiết kiệm được dường như không lớn.

Một lập luận khác là việc phát hành tiền điện tử sẽ làm tăng thu nhập từ phát hành tiền của ngân hàng trung ương bởi vì nó sẽ làm tăng nhu cầu về tiền tệ của ngân hàng trung ương, là nguồn chính của thu nhập từ phát hành tiền. Tuy nhiên, đó có thể không phải là điều đáng quan tâm. Có thể là tiền điện tử của ngân hàng trung ương sẽ chỉ thay thế cho tiền giấy của ngân hàng trung ương. Để đánh giá lập luận này cần phải có nghiên cứu về nhu cầu đối với hai loại tiền tệ của ngân hàng trung ương và thu nhập của ngân hàng trung ương nhận được từ hai loại tiền này.

Lập luận thuyết phục nhất để ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử đó là: nếu ngân hàng trung ương không phát hành tiền điện tử thì ngân hàng trung ương sẽ mất đi một nguồn thu nhập đáng kể từ phát hành tiền do nhu cầu của công chúng đối với tiền tệ của ngân hàng trung ương giảm đi. Một mối đe dọa tiềm năng khác có thể là tiền điện tử do tư nhân phát hành. Nếu tiền điện tử do tư nhân phát hành để thay thế cho tiền tệ của ngân hàng trung ương, nó sẽ làm giảm thu nhập của ngân hàng trung ương. Tất nhiên, cũng có thể có những mối đe dọa khác. Tầm quan trọng của việc một ngân hàng trung ương có một nguồn ổn định khá lớn về thu nhập từ phát hành tiền là nó mang lại cho ngân hàng trung ương sự độc lập trong hoạt động để thực thi chính sách tiền tệ. Một sự giảm sút trong thu nhập từ phát hành tiền của ngân hàng trung ương là một mối quan tâm bởi khoản thu nhập này "hỗ trợ việc hoạt động độc lập của ngân hàng trung ương khi thực thi chính sách tiền tệ bằng cách cung cấp cho ngân hàng trung ương một dòng thu nhập độc lập với quy trình ngân sách của chính phủ" (Fung, Molico và Stuber, 2014).

Nếu tiền điện tử do tư nhân phát hành đã tồn tại, liệu chính phủ có thể đưa tiền điện tử của mình vào lưu hành?

Câu trả lời dựa trên kinh nghiệm những năm 1914 đến 1934 tại Hoa Kỳ. Như đã thảo luận ở trên, các ngân hàng Dự trữ Liên bang đưa giấy bạc Dự trữ Liên bang

vào lưu hành mặc dù các giấy bạc ngân hàng quốc gia được tiếp tục lưu thông và chỉ có giới hạn các hành động được phép thực hiện để đưa giấy bạc ngân hàng quốc gia ra khỏi lưu thông.

Đạo luật Dự trữ Liên bang làm việc này theo một số cách: (i) Nó cung cấp giấy bạc Dự trữ liên bang với sự đảm bảo từ chính phủ liên bang. Giấy bạc Dự trữ liên bang là nghĩa vụ của chính phủ Hoa Kỳ. (ii) Đưa giấy bạc Dự trữ Liên bang thành dự trữ cho các ngân hàng. Các ngân hàng có thể gửi giấy bạc Dự trữ Liên bang tại các ngân hàng khu vực, và các khoản tiền gửi này được tính là một phần dự trữ mà các ngân hàng cần nắm giữ tương ứng với các khoản tiền gửi thanh toán của mình (iii) Giấy bạc Dự trữ liên bang được chấp nhận cho "thuế, hải quan và các nghĩa vụ công khác". (iv) Hoa Kỳ dựa trên chế độ bản vị vàng và giấy bạc Dự trữ Liên bang phải được đảm bảo 40% bởi vàng, điều này có nghĩa là có giới hạn đối với lượng giấy bạc được phát hành.

Phần lớn các phương pháp tương tự đang được áp dụng với một ngân hàng trung ương ngày nay. (i) Vì tất cả tiền tệ ngân hàng trung ương là định danh, an toàn, nên về mặt hoàn lại, không phải là một giấy bạc phát hành. (ii) Mặc dù hầu hết các quốc gia không áp đặt yêu cầu dự trữ bắt buộc, nhưng hầu hết các ngân hàng đều lựa chọn giữ dự trữ tại ngân hàng trung ương cho mục đích bù trừ. Một ngân hàng trung ương có thể chấp nhận tiền điện tử của nó cho dự trữ ngân hàng. (iii) tiền điện tử của ngân hàng trung ương có thể trở thành tiền pháp định bởi chính phủ. (iv) Lý thuyết tiền tệ hiện đại lập luận rằng cung tiền định danh phải giới hạn nếu tiền định danh muốn có giá trị. Ngân hàng trung ương ở hầu hết các quốc gia phát triển ít nhất phải cam kết thực hiện việc này, được thể hiện qua những lo ngại về việc duy trì lạm phát ở mức thấp. Do vậy, trừ khi việc phát hành tiền điện tử bởi ngân hàng trung ương đặt cam kết này vào nghi ngờ, không có vấn đề gì trong việc đưa tiền điện tử ngân hàng trung ương vào lưu thông.

Nếu ngân hàng trung ương nên phát hành tiền điện tử, tiền điện tử nên có hình thức gì?

Câu trả lời phụ thuộc vào 2 cân nhắc: (i) lý do ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử (2) phương tiện trao đổi đang tồn tại. Giấy bạc Dự trữ liên bang được phát hành do ngân hàng trung ương cần có khả năng phát hành tiền nhằm hành

động như người cho vay cuối cùng. Các phương tiện trao đổi phát hành tư nhân, giấy bạc ngân hàng quốc gia đã tồn tại và công chúng đã quen với tiền giấy. Do vậy, việc giấy bạc Dự trữ quốc gia được phát hành dưới dạng giấy bạc ngân hàng là hợp lý. Thực tế, về mặt kích cỡ và mầu sắc, thiết kế giấy bạc Dự trữ Liên bang khá giống với giấy bạc ngân hàng quốc gia.

Ngày nay, nếu lý do để ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử là để thu lại doanh thu in tiền đã bị mất bởi các tiền điện tử tư nhân đang thay thế tiền ngân hàng trung ương, thì ngân hàng trung ương sẽ phải cung cấp tiền điện tử ưu việt hơn so với tiền điện tử do tư nhân phát hành, ít nhất là về một số khía cạnh. Ví dụ, trong Weber (2015), tôi đã lập luận rằng chắc chắn tiền điện tử tư nhân sẽ không giao dịch ngang giá trong tất cả các giao dịch giữa các thành viên thuộc nhóm công chúng không phải là nhà phát hành, hoặc trong các giao dịch giữa những người nắm giữ tiền điện tử và đơn vị phát hành. Lý do là tiền điện tử có thể chứa một lượng lớn thông tin về người nắm giữ và người phát hành, việc này sẽ khiến các nhà phát hành có động lực mạnh để tham gia vào cac hình thức định giá đa dạng. Tiền điện tử ngân hàng trung ương phát hành có thể chiếm được thị phần nếu cam kết không thực hiện các hoạt động này.

Liệu tiền điện tử tư nhân và tiền điện tử ngân hàng trung ương có thể cùng tồn tại, hay nếu ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử, nó sẽ trở thành đơn vị độc quyền?

Đưa tiền điện tử ngân hàng trung ương ra sẽ không nhất thiết xóa bỏ bất kỳ tiền điện tử tư nhân phát hành nào đang tồn tại. Giấy bạc ngân hàng quốc gia không biến mất cho tới 20 năm sau Đạo luật Dự trữ liên bang, và chắc chắn rằng chúng sẽ tiếp tục lưu thông nếu việc lưu hành chúng không bị cấm về mặt luật pháp. Dường như công chúng tiếp tục sử dụng phương tiện trao đổi cũ đã tồn tại nếu phương tiện mới không đem lại nhiều lợi ích hơn cái cũ. Giấy bạc Dự trữ liên bang không đem lại nhiều lợi ích hơn so với giấy bạc ngân hàng quốc gia. Chúng chịu cùng một số giới hạn về mệnh giá và có cùng bảo hiểm như giấy bạc ngân hàng quốc gia. Việc giấy bạc Dự trữ Liên bang có thể hoàn lại bằng tiền hợp pháp tại bất kỳ 1 trong số 12 ngân hàng khu vực trong khi giấy bạc ngân hàng quốc gia chỉ được hoàn lại ở chính ngân hàng phát hành có lẽ là lợi thế cho các ngân hàng

hơn là cho công chúng. Hơn nữa, có thể tiền điện tử do ngân hàng trung ương phát hành và do tư nhân phát hành có thể cùng tồn tại như tiền tệ thống nhất nếu cơ chế cần thiết là sẵn có. Trong trường hợp của giấy bạc Dự trữ liên bang và giấy bạc ngân hàng quốc gia là việc yêu cầu các ngân hàng Dự trữ Liên bang chấp nhận giấy bạc ngân hàng quốc gia như dự trữ cho các khoản tiền gửi ngân hàng quốc gia.

Trở lại đầu trang

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 12 - 2020

1. Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2021

Thời gian tổ chức: 26/12/2020
Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Nội dung hội thảo:

Ngày 26/12/2020, tại Hà Nội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2021. Hội nghị đã vinh dự được tiếp đón Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tới dự và chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Lê Minh Hưng; Bí thư Đảng uỷ Khối các Cơ quan Trung ương Huỳnh Tấn Việt; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nguyễn Xuân Cường; Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lê Thành Long; Đại diện lãnh đạo các Ban, Bộ, Ngành, Trung ương và lãnh đạo địa phương, lãnh đạo các đoàn Đại biểu Quốc hội.

Về phía ngành Ngân hàng có Đ/c Nguyễn Thị Hồng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Thống đốc NHNN và các đ/c Phó Thống đốc NHNN, đại diện Đảng ủy Cơ quan NHTW, Công đoàn Ngân hàng Việt Nam; Ban Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng; Thủ trưởng các đơn vị tại Trụ sở chính NHNN, đơn vị sự nghiệp; Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, Giám đốc các đơn vị trực thuộc NHNN, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc các ngân hàng thương mại (NHTM), Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính; cùng các điểm cầu tại 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trên cả nước có sự tham dự của Lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố, đại diện một số ban, ngành của địa phương.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng nhấn mạnh, năm 2020, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, căng thẳng thương mại giữa các nước gia tăng; Đại dịch Covid-19 bùng phát, lan rộng và tác động nghiêm trọng tới mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội ở hầu khắp các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Chưa bao giờ Chính phủ, các cơ quản quản lý và NHTW các nước lại thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ, chưa từng có tiền lệ, với quy mô lớn, hàng nghìn tỷ USD để vực dậy nền kinh tế. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc IMF, thế giới đang chứng kiến cuộc khủng hoảng kinh tế hoàn toàn khác với các cuộc khủng hoảng trước đây.

Ở trong nước, cùng với tác động tiêu cực của đại dịch Covid 19, thiên tai, bão lũ xảy ra liên tiếp chưa từng có, gây thiệt hại về người và tài sản, khiến hoạt động sản xuất,

kinh doanh của doanh nghiệp và người dân càng gặp nhiều khó khăn. Trước bối cảnh đó, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã kịp thời có những chính sách đồng bộ, quyết liệt và sáng tạo để vừa phòng, chống dịch, hạn chế đến mức thấp nhất tác động của dịch bệnh, đồng thời kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và phục hồi và duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý.

Thống đốc cho biết, đối với hệ thống Ngân hàng, những nhiệm vụ chính sau đây được tập trung triển khai quyết liệt.

Thứ nhất, xác định tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân chịu tác động của Đại dịch Covid 19 là nhiệm vụ trọng tâm của ngành, NHNN đã vào cuộc rất sớm khi đại dịch mới xảy ra. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của đại dịch và thiên tai tới hoạt động sản xuất kinh doanh, NHNN đã tập trung tháo gỡ khó khăn về vốn tín dụng, về lãi suất, về phí thanh toán. Đây là những giải pháp thiết thực, đúng thời điểm khi hoạt động sản xuất kinh doanh ngưng trệ, nguồn thu sụt giảm, khó khăn trong vấn đề trả nợ... Bên cạnh đó, NHNN đã tích cực huy động nguồn lực tài chính quốc để hỗ trợ nguồn vốn, hỗ trợ kỹ thuật ứng phó khẩn cấp Đại dịch Covid 19, viện trợ không hoàn lại để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ...

Thứ hai, cải thiện môi trường kinh doanh cũng là một nhiệm vụ NHNN hết sức quan tâm, thể hiện qua việc điều hành CSTT góp phần kiểm soát lạm phát ở mức bình quân dưới 4%, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức 2,4%. Các công cụ CSTT được phối hợp đồng bộ, hiệu quả, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, tiếp tục mua ngoại tệ tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước, góp phần đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ quốc gia và củng cố mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam. Đi đôi với điều hành CSTT để ổn định kinh tế vĩ mô, NHNN tiếp tục cải cách thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân. Năm 2020 là năm thứ 5 liên tiếp NHNN đứng đầu đứng đầu trong bảng xếp hạng chỉ số PAR index, từ đó giúp cải thiện môi trường kinh doanh.

Thứ ba, hướng tới một hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn và lành mạnh, năm 2020, NHNN tiếp tục chỉ đạo hệ thống các TCTD thực hiện Đề án tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu, tăng cường giám sát hoạt động của các TCTD, thường xuyên cảnh báo rủi ro, ngăn chặn khả năng phát sinh vi phạm, từ đó tập trung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm; chỉ đạo các TCTD tăng cường tiềm lực tài chính, thực hiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn theo Basel II; thu thập, xử lý và chuyểngiao thông tin giao dịch đáng ngờ, góp phần phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống.

Thứ tư, NHNN tiếp tục xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp thí điểm các mô hình, công nghệ mới trong lĩnh vực thanh toán, cũng như tăng cường triển khai các giải pháp an ninh, an toàn và bảo mật hệ thống công nghệ thông tin, giảm thiểu rủi ro đối với hoạt động ngân hàng.

Thứ năm, năm 2020 cũng là năm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng rất hiệu quả, là năm NHNN cùng Bộ Tài chính tổ chức thành công hội nghị Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc NHTW ASEAN với nhiều nội dung quan trọng, là năm đánh dấu Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Ngân hàng thanh toán quốc tế nhờ năng lực quản trị điều hành của NHNN được nâng cao cùng với thành tựu về kinh tế xã hội của đất nước ta đạt được trong những năm qua.

Thứ sáu, các mảng công việc khác như: Hoàn thiện thể chế, quản lý ngoại hối, dự báo thống kê, phát hành kho quỹ…tiếp tục được tăng cường, hỗ trợ cho việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ hiệu quả.

Tại Hội nghị, Phó Thống đốc Thường trực NHNN Đào Minh Tú đã trình bày báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động ngân hàng năm 2020, định hướng giải pháp điều hành năm 2021. Theo đó, bám sát chủ trương của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường trong và ngoài nước, trong năm 2020, NHNN đã điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ và ngoại hối, hỗ trợ phục hồi kinh tế trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Ngay khi xảy ra dịch bệnh, NHNN đã chủ động ban hành các văn bản và tổ chức làm việc trực tiếp với các TCTD để yêu cầu rà soát, đánh giá mức độ ảnh hưởng của dịch đối với khách hàng, xây dựng các chương trình, kịch bản hành động của ngân hàng để tháo gỡ khó khăn cho khách hàng. NHNN đã ban hành một loạt các văn bản tạo cơ sở pháp lý cho các TCTD hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Trong đó, nhiều văn bản chỉ đạo mang tính đột phá như cho phép các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng; yêu cầu các TCTD đẩy mạnh hiệu quả các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng; tiết giảm chi phí hoạt động để có điều kiện giảm lãi suất ở mức tối đa; điều chỉnh giảm 50% phí dịch vụ thanh toán trong nước qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020...

Chủ động thành lập các Đoàn công tác địa phương do Lãnh đạo NHNN làm trưởng đoàn phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức 15 Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để nắm bắt tình hình tác động của dịch Covid-19, lắng nghe ý kiến phản ánh của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tiếp cận chính sách của NHNN.

Nhờ triển khai quyết liệt các giải pháp chỉ đạo, điều hành, đến nay điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng đã đạt được những kết quả tích cực. Đến ngày 18/12/2020, tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 12,83% so với cuối năm 2019 và tăng 14,62% so với cùng kỳ 2019. Thanh khoản của hệ thống TCTD thông suốt. Tính chung từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã 03 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với tổng mức giảm tới 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành (là một trong các ngân hàng trung ương (NHTW) có mức cắt giảm lãi suất điều hành lớn nhất trong khu vực); giảm 0,6-

1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên. Đồng thời chỉ đạo các TCTD tiết kiệm chi phí, giảm mạnh lãi suất cho vay, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên. Nhờ đó, tính đến tháng 11/2020, mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 1%/năm so với cuối năm 2019; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm.

NHNN điều hành, công bố tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày phù hợp diễn biến thị trường, cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT. Tỷ giá USD/VND diễn biến phù hợp với điều kiện thị trường và biến động của USD trên thị trường thế giới.

Năm 2020, tăng trưởng thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) cũng đạt tốc độ ấn tượng với nhiều chỉ tiêu đạt và vượt yêu cầu. Đến cuối tháng 10 năm 2020, số lượng giao dịch thanh toán qua điện thoại di động đạt hơn 918,8 triệu giao dịch với giá trị đạt gần 9,6 triệu tỷ đồng (tăng 123,9% về số lượng và 125,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019); số lượng giao dịch thanh toán qua Internet đạt gần 374 triệu giao dịch với giá trị đạt hơn 22,2 triệu tỷ đồng (tăng 8,3% về số lượng và 25,5% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019).

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tiếp tục đạt kết quả tích cực. NHNN tiếp tục đứng đầu các Bộ, ngành về chỉ số cải cách hành chính (Par index) năm 2019 và là năm thứ 5 liên tiếp đứng đầu trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam ở vị trí 25/190 quốc gia và vùng lãnh thổ, tăng 7 bậc so với Doing Business 2019 và đứng thứ 2 trong khu vực ASEAN, thứ 2 trong khu vực Châu Á (chỉ sau Brunei), hoàn thành mục tiêu tăng ít nhất một bậc mà Chính phủ yêu cầu.

Chính những kết quả này đã giúp nâng mức triển vọng xếp hạng các TCTD Việt Nam trong các năm gần đây và trong năm 2020, có 14 NHTM của Việt Nam nằm trong danh sách Top 500 ngân hàng lớn và mạnh nhất Châu Á-Thái Bình Dương và Ngân hàng Ngoại thương (Vietcombank) xếp hạng thứ 29/500, tăng 19 bậc so với xếp hạng năm 2017. Đây là những kết quả rất đáng mừng, tạo nền tảng vững chắc cho hệ thống ngân hàng Việt Nam phát triển an toàn, bền vững trong tương lai.

Hội nghị sẽ được nghe ý kiến phát biểu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; tham luận của đại diện một số Bộ, ngành và các NHTM...; Đồng thời trao tặng các hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân xuất sắc trong ngành Ngân hàng.

Theo sbv.gov.vn

Tổng thuật hội thảo
Trở lại trang đầu

2. Hoàn thiện khung khổ pháp lý và cơ chế chính sách cho TTKDTM tại Việt Nam

Thời gian tổ chức: 04/12/2020
Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Nội dung hội thảo:

Ngày 04/12/2020, tại Hà Nội, Học viện Ngân hàng và Tạp chí Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đồng tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề "Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế số". Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh tham dự và chủ trì Hội thảo.

Hội thảo nhằm tập hợp trí tuệ của các chuyên gia đến từ Văn phòng Chính phủ; các Vụ, Cục, đơn vị của NHNN; đại diện các bộ, ngành, cơ quan quản lý Nhà nước; Hiệp hội Ngân hàng; đại diện các ngân hàng thương mại; các tổ chức tín dụng; các công ty Fintech; công ty chứng khoán; các chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong nước thuộc các viện nghiên cứu, trường Đại học khối tài chính - ngân hàng cùng thảo luận, đánh giá về cơ hội phát triển; đề xuất các giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), góp phần thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đồng thời, tạo ra diễn đàn học thuật, trao đổi kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm dành cho nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên và người làm thực tế.

TTKDTM giúp nâng cao khả năng tiếp cận tài chính và thúc đẩy tài chính toàn diện

Phát biểu chỉ đạo Hội Thảo, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh cho biết "TTKDTM có vai trò đặc biệt quan trọng, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho các chủ thể tham gia và cả nền kinh tế, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao khả năng tiếp cận tài chính và thúc đẩy tài chính toàn diện". TTKDTM giúp giảm chi phí xã hội liên quan đến tiền mặt, góp phần vào công tác quản lý thuế, phòng, chống tội phạm, tham nhũng, các vấn đề về gian lận lợi ích; người dân, doanh nghiệp có thêm kênh giao dịch tiện ích, thuận lợi; các nguồn vốn trong xã hội được luân chuyển một cách an toàn, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, thời gian...

Với việc triển khai tích cực, đồng bộ và quyết liệt nhiều giải pháp, hoạt động TTKDTM thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực và vượt bậc. Cụ thể, hành lang pháp lý cho hoạt động TTKDTM đã được hoàn thiện; hạ tầng kỹ thuật, công nghệ phục vụ TTKDTM (nhất là thanh toán điện tử) được mở rộng, đầu tư và nâng cấp. Hầu hết các thành tựu của CMCN 4.0 đã được ứng dụng vào hoạt động thanh toán. Các sản phẩm, dịch vụ TTKDTM (nhất là thanh toán điện tử) được phát triển mạnh mẽ, đa dạng. Số lượng, giá trị các giao dịch được thực hiện qua các phương tiện TTKDTM có sự tăng trưởng mạnh mẽ (nhất là thanh toán qua điện thoại di động và Internet). Các hệ sinh thái thanh toán số được hình thành, cho phép kết nối, tích hợp với các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

Nhiều con số khác cũng chứng minh, thanh toán không dùng tiền mặt đang tăng vọt. Cụ thể, trong 09 tháng đầu năm 2020, số lượng và giá trị giao dịch TTKDTM đều tăng trưởng, tương ứng 75,2% và 30,4% so với cùng kỳ năm 2019; và đặc biệt là số lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện thoại di động tăng mạnh tương ứng gần 125% và 130% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo Lãnh đạo NHNN, mục tiêu phát triển TTKDTM cũng là nội dung quan trọng

được Thủ tướng Chính phủ đề ra tại một số Đề án phát triển ngành ngân hàng trong thời gian tới như: (i) Tại Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra mục tiêu phấn đấu đến cuối năm 2025, số lượng giao dịch TTKDTM đạt tốc độ tăng 20% - 25% hàng năm; (ii) Tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra mục tiêu đẩy mạnh phát triển TTKDTM, tối ưu hóa mạng lưới ATM và POS.

Phó Thống đốc Nguyễn Kim Anh nhấn mạnh năm 2020 là năm có ý nghĩa rất quan trọng. Vì đây là năm cuối của nhiệm kỳ và là thời điểm tổng kết, đánh giá việc triển khai, thực hiện Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 2545/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm để nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển TTKDTM cho 05 năm tiếp theo (giai đoạn 2021-2025) với những bối cảnh và điều kiện phát triển mới.

Hệ sinh thái thanh toán số phát huy hiệu quả trong dịch COVID-19

Đặc biệt, sự ra đời và phát triển của TTKDTM vừa là xu thế tất yếu của thời đại nhằm đáp ứng yêu cầu mới của cuộc CMCN 4.0 và cũng là một biện pháp quan trọng nhằm hỗ trợ và đảm bảo tính liên tục, thông suốt cho hoạt động giao dịch, thúc đẩy kinh doanh giữa các chủ thể trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra. Tại Hội thảo, các chuyên gia đã đưa ra một bức tranh toàn diện về chính sách thúc đẩy TTKDTM tại Việt Nam trong thời gian qua.

"Hệ sinh thái thanh toán số đã phát huy hiệu quả tối đa trong việc thay đổi thói quen, hành vi tiêu dùng của một bộ phận lớn dân cư trong xã hội, hoạt động TTKDTM trong khu vực chính phủ, dịch vụ hành chính công đã có nhiều chuyển biến tích cực" - ông Phạm Tiến Dũng – Vụ trưởng Vụ Thanh toán NHNN nhấn mạnh.

Thống kê của NHNN, tính đến nay đã có hơn 30 bệnh viện triển khai thanh toán viện phí điện tử; 50 ngân hàng thương mại hoàn thành kết nối thanh toán thuế điện tử với cơ quan thuế, hải quan trên 63 tỉnh, thành phố, 95% số thu hải quan thực hiện qua ngân hàng; 99% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử; 27 ngân hàng thương mại và 10 tổ chức trung gian thanh toán phối hợp thu tiền điện (doanh thu tiền điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán qua ngân hàng lên tới gần 90%).

Theo khảo sát của Công ty PwC đối với 27 nước đã ghi nhận Việt Nam là thị trường tăng trưởng nhanh nhất về thanh toán di động trong năm 2018. Đến nay, toàn thị trường có 77 tổ chức triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và 45 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Các đơn vị đã nghiên cứu, ứng dụng nhiều công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thanh toán, với việc áp dụng xác thực vân tay, nhận diện khuôn mặt, sinh trắc, sử dụng QR Code, Tokenization, thanh toán phi tiếp xúc, công nghệ mPOS... Đến nay có khoảng 30 ngân hàng triển khai dịch vụ thanh toán QR Code, toàn thị trường có hơn 90.000 điểm chấp nhận thanh toán QR Code (một hình thức thanh toán mới, hiện đại tại đơn vị chấp nhận thanh toán tương tự như thanh toán qua POS).

Tuy đã có những kết quả tích cực nhưng Vụ trưởng Vụ Thanh toán NHNN cũng chỉ ra một số khó khăn mà TTKDTM vẫn còn phải đối mặt, đó là: Hành lang pháp lý; thói quen sử dụng tiền mặt, tâm lý e ngại khi tiếp cận với công nghệ thanh toán mới của người dân. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng thanh toán chưa được phát triển ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; đơn vị chấp nhận thanh toán chưa có đủ kiến thức cũng như lợi ích thiết thực khi chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt so với tiền mặt, do đó chưa tích cực tham gia.

Mặt khác, tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao, thanh toán điện tử gần đây có những diễn biến phức tạp với những hành vi, thủ đoạn mới, tinh vi hơn, do đó, các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho các dịch vụ thanh toán dựa trên công nghệ cao cần tiếp tục được quan tâm và tăng cường.

Phát biểu tại Hội thảo, Đại tá Trương Sơn Lâm - Phó cục trưởng Cục A05 (Bộ Công an) khuyến cáo cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, kể cả các nhân viên, cán bộ trong ngành ngân hàng về những thủ đoạn lừa đảo công nghệ cao; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát phát hiện các giao dịch đáng ngờ; hoàn thiện cơ chế pháp lý; chủ động triển khai phương án phòng chống rủi ro, tấn công mạng...

Chia sẻ về kinh nghiệm quốc tế trong thúc đẩy TTKDTM, TS. Cấn Văn Lực, Chuyên gia kinh tế trưởng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV) đã chỉ ra một vài mô hình hiệu quả tại Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan như: Tổ chức các chương trình kích cầu, hoàn tiền khi giao dịch điện tử, miễn phí giao dịch nhỏ; xây dựng hệ thống thuế điện tử tích hợp eTAX; xây dựng hệ thống chuyển tiền PromptPay cho phép không cần dùng tài khoản ngân hàng mà có thể dùng mã số định danh quốc gia và số điện thoại di động...

Từ đó, ông Cấn Văn Lực khuyến nghị cần tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng bộ tiêu chí đo lường tỷ lệ sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt; ban hành quy định quản lý Công ty công nghệ tài chính (Fintech), ví điện tử, tiền di động (mobile money); hoàn thiện, cập nhật đề án quốc gia về thanh toán không dùng tiền mặt (có cơ chế giải pháp khuyến khích, cưỡng chế thanh toán không dùng tiền mặt...). "Thêm nữa, cần sớm có quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu; cơ chế công nhận kết quả thẩm định, xác thực lẫn nhau giữa các tổ chức tín dụng, xây dựng cơ sở dữ liệu định danh cá nhân quốc gia. Việc nghiên cứu cấp phép ngân hàng số; nghiên cứu cách tiếp cận, quản lý tiền kỹ thuật số cũng là những điều cần lưu tâm", ông Cấn Văn Lực nhấn mạnh.

Thông tin thêm tại Hội thảo, ông Phạm Tiến Dũng cho biết thêm, Thông tư về eKYC vừa được Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh ký sáng nay. Đây là nền tảng đầu tiên để thanh toán số, ngân hàng số phát triển. Về thúc đẩy thanh toán số phát triển thời gian tới, NHNN cho biết sẽ thúc đẩy nhanh chóng hoàn thiện tốt hơn nữa khung pháp lý. “Chúng tôi đang nghiên cứu, xem xét có nên đưa ra Luật Thanh toán hay không.Hiện đã có 84 quốc gia có Luật Thanh toán, gần Việt Nam nhất là Lào và Campuchia. Lý do

là hiện nay, tham gia lĩnh vực thanh toán có rất nhiều chủ thể (fintech, Big Tech…) chứ không chỉ có tổ chức tín dụng. Ngoài ra, cũng xuất hiện nhiều hình thức thanh toán mới như QR…" ông Dũng cho hay.

Ngoài ra, Hội thảo đã được nghe những chia sẻ kinh nghiệm về quá trình triển khai ngân hàng số nói chung và ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào dịch vụ thanh toán nói riêng của một số ngân hàng thương mại như: việc cung ứng dịch vụ TTKDTM trong bối cảnh CMCN 4.0; các vấn đề về an toàn, bảo mật thông tin trong thanh toán; cũng như định hướng, giải pháp phát triển TTKDTM trong thời gian tới và bài học kinh nghiệm triển khai TTKDTM trong Thanh toán dịch vụ công.

Các vấn đề được thảo luận tại Hội thảo giúp NHNN trong công tác quản lý và xây dựng cơ chế, chính sách; giúp các cơ sở đào tạo trong và ngoài Ngành trong công tác đào tạo, nghiên cứu; đồng thời, giúp các tổ chức tín dụng có các giải pháp ứng phó với những thách thức, tận dụng các cơ hội trong việc thúc đẩy TTKDTM trong nền kinh tế số tại Việt Nam hiện nay.

Theo sbv.gov.vn

Tổng thuật hội thảo
Trở lại trang đầu

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 12-2020

1. Về Trung Quốc

Nguồn: Nxb Hội Nhà Văn
Tác giả: Henry Kissinger
Dịch giả: Thủy Tiên
Giới thiệu ấn phẩm:

Henry Kissinger (1923) nguyên là Cố vấn An ninh Quốc gia và Ngoại trưởng Mỹ. Ông giữ vị trí trọng yếu trong quan hệ Mỹ - Trung dưới thời Tổng thống Nixon. Ông đã đề xuất chính sách Chính trị thực dụng (Realpolitik) để tái định hình quan hệ Mỹ - Trung, Mỹ - Xô và giải quyết các vấn đề nhức nối của thế giới, tạo nên xu thể hòa hoãn giữa các cường quốc trong thập niên 1970. Đặc biệt là trong chuyến thăm Trung Quốc của Nixon năm 1972 đã có tác động sâu sắc tới cục diện thế giới lúc đó và nhiều thập kỷ sau.

Kissinger đã xuất bản 14 cuốn sách và rất nhiều bài báo phản ánh quan điểm của ông về những nơi Mỹ muốn tạo ảnh hưởng, qua đó thể hiện nhiều bài học giá trị về hoạt động ngoại giao. Về Trung Quốc là cuốn sách thứ 13 của ông.

Về Trung Quốc xuất bản lần đầu năm 2011, khi Mỹ và Trung Quốc có những bước tiến mới trong chiến lược và kinh tế Mỹ - Trung. Cuốn sách này là một nỗ lực, mà một phần dựa trên các cuộc đối thoại với giới lãnh đạo Trung Hoa, nhằm giải thích cách suy nghĩ của người Trung Hoa về các vấn đề hòa bình, chiến tranh và trật tự quốc tế, cũng như mối quan hệ của lối tư duy ấy với cách tiếp cận mang tính thực dụng và cụ thể kiểu Mỹ. Trọng tâm chính của cuốn sách này là sự tương tác giữa giới lãnh đạo Trung Hoa và Mỹ kể từ khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949.

Từ đó, Kissinger chỉ ra những khác biệt đã khiến Trung Quốc và Mỹ ở thế đối đầu trong hai thập kỷ và tái hiện cuộc chạm trán của Trung Quốc với những cường quốc khác. Tình thế đó chỉ thay đổi khi Mỹ và Trung Quốc tái lập quan hệ hữu nghị vào năm 1972 với vai trò kiến thiết quan trọng của Kissinger.

Tuy nhiên, ngay từ năm 2011, Kissinger cũng đã dự báo về những vấn đề lớn sẽ tác động tới quan hệ Mỹ - Trung, mà bây giờ đã thành hiện thực:

- Thâm hụt thương mại của Mỹ trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc
- Không tương ứng trong các mối quan tâm chiến lược toàn cầu
- Dựa trên kinh nghiệm lịch sử, cảnh báo về cuộc đối đầu định mệnh Mỹ - Trung, cho dù Trung Quốc chủ trương “trỗi dậy hòa bình”.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

Giới thiệu sách
Trở lại trang đầu

2. Phục Hồi Kinh Tế Sau Khủng Hoảng Covid-19

Nguồn: Nxb Công Thương
Tác giả: Joshua Gans
Dịch giả: Thanh Tâm
Giới thiệu ấn phẩm:

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ khủng hoảng chưa từng thấy. Sự lây lan trên toàn thế giới của đại dịch COVID-19 cũng như biện pháp của các chính phủ để ngăn chặn sự lây lan này đang diễn ra với một quy mô chưa từng có. Khi chúng ta vật lộn với những tác động của giãn cách xã hội và tỷ lệ tử vong tăng cao, mọi người cần phải có các nguồn thông tin chính thống để hiểu rõ về cuộc khủng hoảng này.

Cuốn sách "Phục hồi kinh tế sau khủng hoảng COVID-19" được viết và xuất bản ngay giữa đại dịch, nhằm cung cấp sự hiểu biết chuyên môn về những gì đang diễn ra.

Tác giả cuốn sách là nhà kinh tế học Joshua Gans xem xét lại các vấn đề từ sự hỗn loạn nhất thời, để có một cái nhìn rõ ràng và hệ thống về cách các lựa chọn kinh tế đang được thực thi, nhằm đối phó lại với đại dịch COVID-19. Ông phác thảo các giai đoạn của nền kinh tế trong đại dịch, từ giai đoạn ngăn chặn đến giai đoạn thiết lập lại và cuối cùng là giai đoạn phục hồi và phát triển:

Giai đoạn đầu tiên là ngăn chặn. Giai đoạn này bao gồm ba bước:

- Bước đầu tiên là virus bùng phát và khả năng xuất hiện đại dịch toàn cầu phải được xác định.
- Bước tiếp theo là làm chậm lại và ngăn chặn virus lây lan: Đây là khi ta tiếp tục tìm hiểu nhiều hơn nữa về virus và bảo vệ các nguồn lực kinh tế khan hiếm. Có các hoạt động tập trung và quân sự để cải thiện năng lực của hệ thống chăm sóc sức khỏe. Có kiểm soát giá và phân phối phù hợp. Và có những hạn chế chung về việc di chuyển và hành động. Tất cả những hành động này có khả năng cứu nhiều mạng sống và cuối cùng, bảo tồn nền kinh tế của chúng ta.

Mục tiêu lúc này là bằng cách nào đó, chúng ta tạm dừng nền kinh tế, để về sau, nó không bị dừng hẳn và cuộc sống có thể trở lại bình thường.

Giai đoạn tiếp theo là "thiết lập lại mọi thứ và bắt đầu lại từ đầu": Nếu đại dịch COVID-19 được ngăn chặn thành công, giai đoạn thiết lập lại này giống như một bước chuyển sang nền kinh tế xét nghiệm. Trong nền kinh tế đó, chúng ta xét nghiệm rộng rãi để xác định ai là người an toàn để tiếp xúc. Chúng ta liên tục lặp lại việc này cho đến khi vắcxin được phân phối hoặc virus được ngăn chặn.

Và cuối cùng là "giai đoạn phục hồi từ đại dịch": Chúng ta cần cân nhắc các vấn đề kinh tế liên quan đến việc dịch bệnh tái xuất hiện. Sẽ cần phải ưu tiên ai là người được giải phóng khỏi khu cách ly, vì không phải tất cả dân số đều an toàn để tiếp xúc. Để tái xuất hiện, chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với việc phân phối một số thứ nhất định - đáng chú ý nhất là các liều vắcxin - và sẽ cần xem xét cách phân bổ các nguồn tài nguyên khan hiếm đó.

Cũng trong lúc này, ta cần phải tạo ra những đổi mới. Những đổi mới rất cần thiết

cho các xét nghiệm, phương pháp điều trị và vắcxin cho COVID-19, và cả cho chiến lược đối phó với các đại dịch trong tương lai.

"Phục hồi kinh tế sau khủng hoảng COVID-19" cung cấp thông tin khách quan từ góc nhìn kinh tế học, giúp người đọc thực sự hiểu rõ lý do đằng sau những giải pháp đang được tiến hành trên toàn cầu, nhằm mục đích dập tắt đại dịch và khôi phục lại cuộc sống bình thường, cả về khía cạnh xã hội lẫn khía cạnh kinh tế. Có rất nhiều bất ổn và sự không chắc chắn đang tồn tại, nhưng sẽ đến một thời điểm, tất cả chúng ta có thể cùng nhau khẳng định thế giới đã chiến thắng đại dịch. Và chiến thắng đó sẽ đi kèm với những bài học và sự cảnh giác, cũng như các kế hoạch dài hạn và toàn diện hơn, để một cuộc khủng hoảng tương tự không còn lặp lại.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

Giới thiệu sách
Trở lại trang đầu